



CÔNG TY CỔ PHẦN CASPER VIỆT NAM

Văn phòng tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 7, tòa Leadvisors Tower, 643 Phạm Văn Đồng, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
Số điện thoại: +8424-3784-3666

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa Nhà An Phú Plaza, 117-119 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
Số điện thoại: +8428 -3990-5905 / 3990.7907

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa Nhà Indochina, 74 Bạch Đằng, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại: +84236-3916-006



ĐIỀU HÒA THƯƠNG MẠI CỤC BỘ



MỤC LỤC



01

GIỚI THIỆU

Về Casper Electric Thái Lan	04
Casper tại Việt Nam	06
Công trình tiêu biểu	08

02

CÁC DÒNG SẢN PHẨM

Danh mục sản phẩm	12
-------------------	----

03

CÔNG NGHỆ NỔI BẬT

Dàn nóng bền bỉ	16
Vận hành tối ưu	18
Không khí trong lành	20
Thân thiện với môi trường	22

04

TÍNH NĂNG VÀ THÔNG SỐ SẢN PHẨM

Giấu trần nổi ống gió	26
Âm trần Cassette đa hướng thổi	28
Điều hòa tủ đứng	30
Điều khiển	31



01

GIỚI THIỆU

VỀ CASPER ELECTRIC THÁI LAN	04
CASPER TẠI VIỆT NAM	06
CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU	08



VỀ CASPER ELECTRIC THÁI LAN



Casper Electric được thành lập tại thủ đô Bangkok, Thái Lan vào năm 2016. Với mạng lưới chi nhánh đa quốc gia và hệ thống phân phối tại nhiều thị trường Đông Nam Á: Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Brunei, Campuchia, Lào cùng nỗ lực đổi mới không ngừng nghỉ đã giúp chúng tôi trở thành thương hiệu Điện tử – Điện lạnh – Điện gia dụng từ Đông Nam Á có quy mô lớn nhất.

Trong một thế giới mà công nghệ không ngừng thay đổi, chúng tôi đặt trong tâm bất biến cho việc thấu hiểu người tiêu dùng, phát triển công nghệ và giữ vững cam kết trong hành trình định vị bản thân.



TẦM NHÌN

Trở thành Thương hiệu Điện tử – Điện lạnh – Điện gia dụng hàng đầu trên toàn cầu.



SỨ MỆNH

Cung cấp giải pháp điện gia dụng thân thiện với môi trường nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo sự hài lòng tuyệt đối của khách hàng và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.

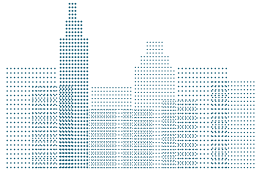
TRIẾT LÝ SẢN PHẨM

Less For More

Với tinh thần không thỏa hiệp và một góc nhìn đầy thực tế, chúng tôi dám rời bỏ những điều rườm rà, xa hoa, không cần thiết để chất lọc những gì mang lại nhiều giá trị và đúng nhu cầu của người dùng nhất.

Chú trọng vào những hỗ trợ thiết yếu bằng các giải pháp hiệu quả với kế hoạch hành động trực quan, tinh gọn, những sản phẩm được tinh chọn chức năng hiệu quả nhất, mỗi chức năng đều sẽ luôn được sử dụng – tối sử dụng và bền vững trong chính căn nhà của mỗi gia đình.

CASPER TẠI VIỆT NAM

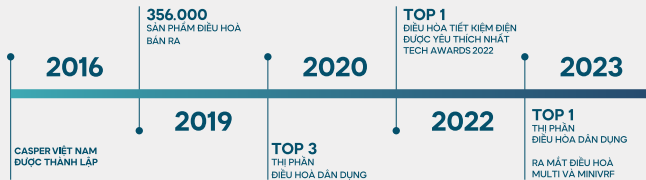


Casper Vietnam JSC là đại diện độc quyền phân phối và cung cấp dịch vụ các sản phẩm mang thương hiệu Casper tại thị trường Việt Nam.

Hơn 3.000.000

HỘ GIA ĐÌNH SỬ DỤNG ĐIỀU HOÀ CASPER (2023)

HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN



GIẢI THƯỞNG

VNECONOMY 2021

ĐIỀU HOÀ ĐƯỢC TIN DÙNG NHẤT

TECH AWARDS 2022

ĐIỀU HOÀ TIẾT KIỂM ĐIỆN ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT

Giải thưởng là sự ghi nhận tích cực của người tiêu dùng về khả năng tiết kiệm điện vượt trội của điều hòa Casper, minh chứng cho sự phát triển về công nghệ và sự thấu hiểu nhu cầu của người dùng, mang đến những trải nghiệm tuyệt vời nhất với chi phí tối ưu nhất.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI
VÀ DỊCH VỤ TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP

10.000

ĐIỂM

trải dài các tỉnh thành trên toàn quốc cùng đội ngũ nhân sự chất lượng cao tại trụ sở chính Hà Nội, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và chi nhánh Đà Nẵng, Casper Việt Nam tự tin có những lợi thế để mang tới sản phẩm và dịch vụ tối ưu cho người tiêu dùng Việt Nam.

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

Casper hân hạnh được đồng hành cùng nhiều công trình trên khắp cả nước, đem đến giải pháp tối ưu về điều hoà không khí cho các dự án đa dạng như khu chung cư, văn phòng, khách sạn và trường học. Chúng tôi tự hào mang đến sự thoải mái và hiệu suất tối đa cho mọi không gian làm việc và mang đến cuộc sống trong lành cho triệu hộ gia đình.

Trụ sở Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Biển

Khu nhà ở Cán bộ chiến sĩ

ĐL.Thăng Long, P.Tây Mỗ, Q.Từ Liêm, TP.Hà Nội



Trường Đại Học Bách Khoa

Hệ Thống Giảng đường D

Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội



Nhà thi đấu Hoàng Mai

Tuồng Mai, Hoàng Mai, Hà Nội



Trụ sở Công An tỉnh Thanh Hóa

TP.Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa



Trường Đại Học Giao Thông Vận Tải

Hệ Thống Giảng đường A

Cầu Giấy, P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội



Trường Mầm Non Vạn Phúc

P.Vạn Phúc, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội



Khu Đô Thị VinCity Cao Bằng

Tân Giang, TP.Cao Bằng



Ngân hàng Nông nghiệp huyện Nam Trực - Nam Định

H.Trúc Ninh, Tỉnh Nam Định

02

CÁC DÒNG SẢN PHẨM



DANH MỤC SẢN PHẨM

CÔNG SUẤT (BTU/h)			18.000	24.000	36.000	48.000	100.000
Điều hòa âm trần Cassette đa hướng thổi - một chiều		<i>inverter</i>	●	●	●	●	
		NON INVERTER	●	●	●	●	
Điều hòa âm trần Cassette đa hướng thổi - hai chiều		NON INVERTER	●	●	●	●	
Điều hòa giấu trần nổi ống gió - một chiều		<i>inverter</i>	●	●	●	●	
Điều hòa tủ đứng một chiều/ hai chiều		NON INVERTER	●	●		●	●

GIẢI PHÁP CHO MỌI CÔNG TRÌNH

Dòng điều hòa thương mại như của Casper - Sự lựa chọn thông minh cho các công trình vừa và nhỏ. Với thiết kế tiên tiến và công nghệ hiện đại, Điều hòa Casper không chỉ đảm bảo không khí mát lạnh thoải mái, mà còn giúp tối ưu chi phí nhờ khả năng tiết kiệm điện, vận hành ổn định và bền bỉ với thời gian.



03

CÔNG NGHỆ NỔI BẬT

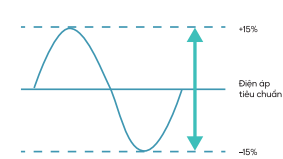
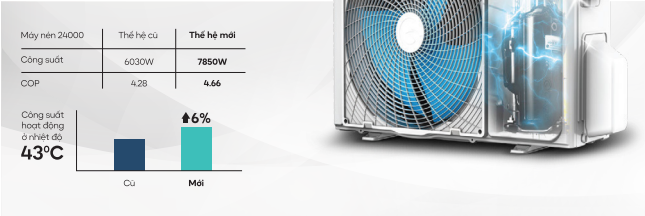
DÀN NÓNG BỀN BỈ	16
VẬN HÀNH TỐI ƯU	18
KHÔNG KHÍ TRONG LÀNH	20
THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG	22



DÀN NÓNG BỀN BÌ

Máy nén thế hệ mới mạnh mẽ

Máy nén được thiết kế dựa theo tính chất của Gas R32 mang tới sự vận hành hoàn hảo, tối ưu hiệu suất hoạt động và tiết kiệm năng lượng. Máy nén lớn hơn, làm lạnh nhanh và mạnh mẽ hơn.



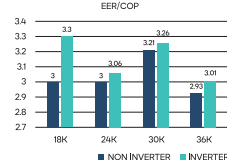
Dải điện áp rộng

Dải điện áp rộng từ 187V đến 253V, luôn đảm bảo điều hòa hoạt động ổn định. Đáp ứng điều kiện điện áp không ổn định ở các vùng sâu, vùng xa hoặc trong cao điểm tiêu thụ điện vào mùa hè.

PCB – Bảng mạch bền bỉ

PCB bền bỉ mới của Casper không cần bộ ổn định mà vẫn có thể bảo vệ được các linh kiện trong dàn nóng tránh khỏi các rủi ro do điện áp quá thấp hoặc quá cao.

Lớp phủ bảo vệ PCB ngăn ngừa và hạn chế hỏng PCB do độ ẩm và bụi trong không khí, muối có trong gió biển. PCB bền bỉ được sơn phủ ở cả hai mặt đảm bảo hoạt động ngay cả trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhất.

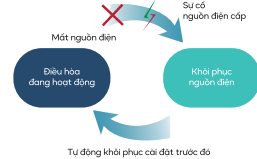
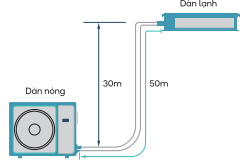


Tiết kiệm điện

Hệ số EER/ COP cao vượt trội so với thế hệ cũ Non-Inverter (trung bình 4%~5%).

Đường ống kết nối dài

Chiều dài ống tối đa lên tới 50m.
Chênh lệch độ cao tối đa lên tới 30m.



Chủ động khôi phục chế độ vận hành

Khởi phục chế độ đang vận hành khi có điện trở lại.

Dải nhiệt độ hoạt động rộng

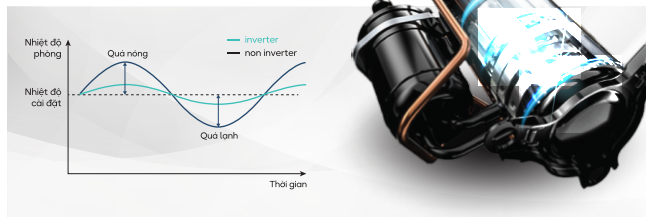
Hoạt động ngay cả trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Phạm vi hoạt động rộng với nhiệt độ ngoài trời từ -15°C đến 49°C.



VẬN HÀNH TỐI ƯU

Công nghệ Inverter

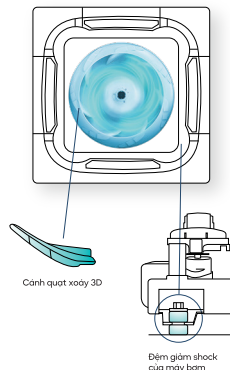
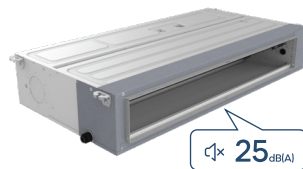
Dòng điều hòa inverter mới có thể điều chỉnh công suất lạnh theo tải lạnh, không phải dừng khởi động thường xuyên, nhiệt độ phòng ít dao động, dễ chịu hơn.



Độ ồn thấp

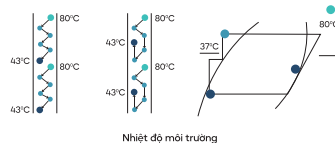
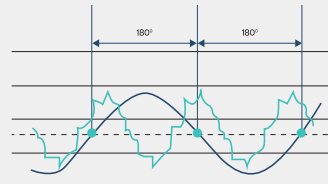
Độ ồn của dàn lạnh giấu trần nổi đáng kể ở chế độ hoạt động yên tĩnh chỉ từ 25 dB(A), phù hợp cho các khách sạn, biệt thự và căn hộ cao cấp.

Dàn lạnh âm trần cassette với cấu trúc quạt tối ưu và bộ sung lắp đệm mút chống ồn giúp giảm độ ồn, phù hợp với các không gian thương mại như nhà hàng, văn phòng, cửa hàng vừa và nhỏ.



Điều khiển sóng sin 180°

Máy nén Inverter DC sử dụng kỹ thuật điều khiển vector to sóng sin 180°, giúp động cơ máy nén hoạt động trơn tru và hiệu suất tăng đáng kể.

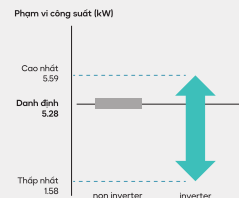


Tối ưu hóa thiết kế đường ống

Đảm bảo khả năng làm mát phụ và nâng cao khả năng làm lạnh bằng cách tách biệt đầu vào và đầu ra của môi chất lạnh.

Dải công suất rộng

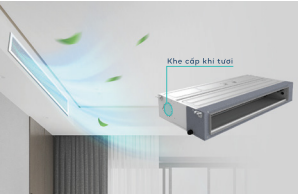
Máy nén thế hệ mới đạt dải công suất rộng hơn ở tốc độ tải thấp và tối đa.



KHÔNG KHÍ TRONG LÀNH

Cấp khí tươi 360°

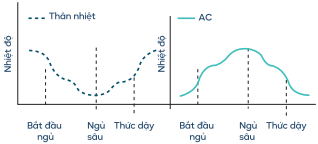
Cấp khí tươi và luồng gió được khuếch tán 360° phân bố nhiệt độ đồng đều hơn, người dùng không cảm thấy ngột ngạt và bị bức, luồng khí tươi luân chuyển tạo cảm giác tươi mới, sáng khoái và tốt cho sức khỏe.



Chế độ ngủ

Nhiệt độ điều hòa sẽ được tự động điều chỉnh để người dùng luôn thoải mái ngay cả khi bạn đang trong giấc ngủ.

Chế độ ngủ với luồng khí mát nhẹ nhàng, giúp giấc ngủ sâu và lành hơn.



Luồng khí mạnh mẽ

Luồng khí mạnh mẽ vươn xa bao trùm không gian phòng rộng lớn, nhanh chóng mang đến cảm giác mát mẻ và dễ chịu cho người dùng.

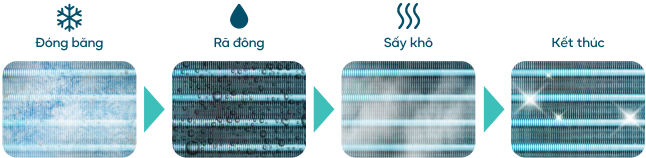
Cánh dẫn khí lớn rộng 50mm, chiều cao cấp khí tăng 10%, lên đến 4m.



Tự động làm sạch

Chức năng tự động làm sạch bỏ trao đổi nhiệt và đảm bảo luôn cung cấp luồng khí trong lành.

Tổng thời gian hoạt động là 35 phút.



THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

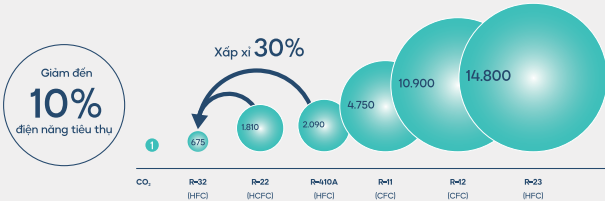
Sử dụng Gas R32

Thay đổi từ gas R410A sang Gas R32 là bước cải tiến lớn trong việc giảm sự nóng lên toàn cầu.

- Vận hành bền bỉ
- Giảm lượng gas nạp
- Giảm nguy cơ nóng lên toàn cầu
- Giảm lượng khí thải carbon



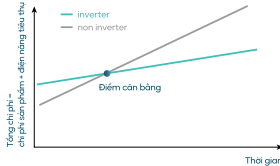
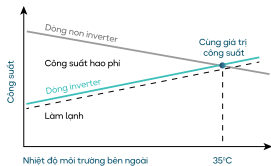
Khả năng làm nóng toàn cầu 100 năm của các môi chất lạnh khác nhau^{*2}



Nguồn: Giá trị 100 năm của khả năng làm nóng toàn cầu (GWP) từ Báo cáo đánh giá lần thứ tư của IPCC. GWP 100 năm so sánh: HFC410A, 2090; HFC32, 675.

Tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường

Tiết kiệm năng lượng ít hơn - bảo vệ cho thế hệ tương lai. Dòng inverter mới có thể điều chỉnh công suất lạnh theo nhiệt độ môi trường, không phải dùng chế độ thường xuyên giảm tiêu hao năng lượng.



04

TÍNH NĂNG VÀ THÔNG SỐ SẢN PHẨM

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ	26
ÂM TRẦN CASSETTE ĐA HƯỚNG THỔI	28
ĐIỀU HÒA TỦ ĐỨNG	30
ĐIỀU KHIỂN	31



GIẤU TRẦN NỔI ỒNG GIÓ



Tính năng nổi bật

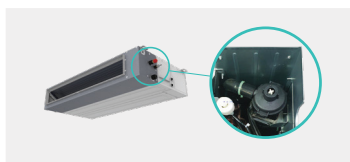
Dàn lạnh mỏng

Dàn lạnh mỏng chỉ 200mm~ 245mm, phù hợp mọi không gian lắp đặt



Bơm nước ngưng

Máy bơm nước ngưng với độ ồn thấp. Chiều cao tối đa các ứng dụng lắp đặt khác nhau như chung cư, biệt thự, khách sạn...



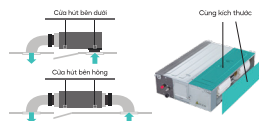
Không gian lắp đặt đa dạng

Dải áp suất tĩnh (ESP) rộng (lên đến 160Pa) đáp ứng đa số các ứng dụng lắp đặt khác nhau như chung cư, biệt thự, khách sạn...



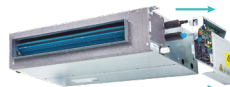
Cửa hút gió linh hoạt

Cửa hút gió kết nối linh hoạt với dàn lạnh để dàng lắp đặt, bảo dưỡng.



Hộp điều khiển rời

Bảng mạch điều khiển được đặt trong hộp riêng biệt để dàng tháo rời, sửa chữa và bảo trì.



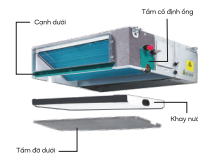
Máng hứng nước ngưng (tùy chọn)

Thiết kế thoát nước kép ở hai đầu máng nước ngưng giúp thích ứng với mọi vị trí và điều kiện lắp đặt.



Dễ dàng lắp đặt

Dễ dàng tháo lắp mặt dày mà không cần sử dụng ốc vít.



Dễ dàng tháo dỡ bộ lọc khí

Bộ lọc thô có thể được dễ dàng vệ sinh bằng cách tháo lấy còi.



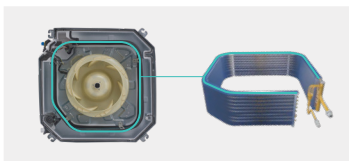
ÂM TRẦN CASSETTE ĐA HƯỚNG THỔI



Tính năng nổi bật

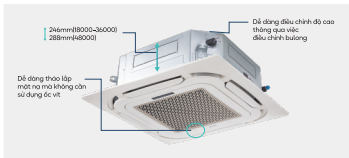
Thiết kế dẫn lạnh tối ưu tăng khả năng trao đổi nhiệt

Hiệu suất trao đổi nhiệt tăng 12% với diện tích trao đổi lớn hơn.



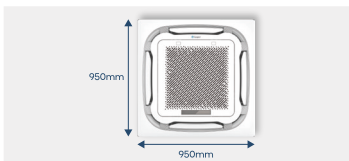
Dễ dàng lắp đặt

Cấu trúc đơn giản, tháo nắp góc dễ dàng, điều chỉnh độ cao thuận tiện.



Mặt nạ đồng nhất kích thước

Kích thước mặt nạ đồng nhất cho tất cả các công suất. Luôn dễ dàng để duy trì vệ sinh đơn giản và sang trọng ngay cả khi nhiều dàn lạnh khác nhau được lắp đặt trong cùng một khu vực.



Tháo lắp dễ dàng

Thiết kế chốt mở gắn liền trên mặt nạ giúp người dùng có thể dễ dàng tháo rời và đặc biệt không cần sử dụng vít.



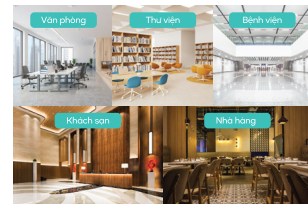
Bơm nước ngưng

Máy bơm nước ngưng với độ ồn thấp. Chiều cao tối đa máy bơm có thể đẩy nước lên là 1200mm.



Không gian lắp đặt đa dạng

Độ dày dàn lạnh chỉ từ 216mm - 288mm, có thể lắp đặt ở trần hẹp, phù hợp nhiều không gian.

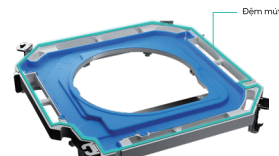


Vật liệu chống rò rỉ nước

Kết cấu chắc chắn, tránh bị rò rỉ nước trong quá trình vận hành và sử dụng.

Thiết kế kín

Ngăn chặn thất thoát khí lạnh ra ngoài bằng cách gắn / sử dụng đệm mút tại khe hở của các điểm lắp ráp.



ĐIỀU HOÀ TỦ ĐỨNG



Luồng gió mạnh mẽ

Luồng gió mạnh, ổn định với chức năng đảo gió tự động 3 chiều.



Màn hình cảm ứng tinh tế

Thiết kế tinh xảo, bền bỉ hơn nút ấn thông thường.



Hộp điều khiển bền bỉ

Chất liệu mạ kẽm chống cháy nổ, bảo vệ bảng mạch.



ĐIỀU KHIỂN

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA KHÔNG DÂY

- Thiết kế nhỏ gọn, tinh tế, dễ dàng sử dụng.
- Chế độ hẹn giờ tiện lợi
- Dải nhiệt độ điều chỉnh trong khoảng từ 16°C đến 32°C
- Màn hình hiển thị sắc nét



ĐIỀU KHIỂN TỪ XA CÓ DÂY⁽¹⁾

- Màn hình cảm ứng tinh tế.
- Thiết kế sang trọng
- Chế độ hẹn giờ tiện lợi
- Dải nhiệt độ điều chỉnh trong khoảng từ 16°C đến 32°C



⁽¹⁾ Phụ kiện tùy chọn



ĐIỀU HÒA TỦ ĐÚNG NON INVERTER - MỘT CHIỀU/ HAI CHIỀU

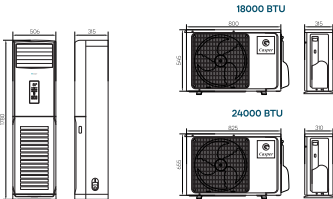


MODEL		FC-18TL22	FC-28TL22	FC-48TL22	FH-100FS33		
Nguồn điện	V/Hz/ph	220~240V, 50Hz, 1P	220~240V, 50Hz, 1P	380~450V, 50Hz, 3P	380~450V, 50Hz, 3P		
Công suất làm lạnh (danh định)	BTU/h	17000	22000	42000	95500		
	kW	5	6.5	12.3	28		
Công suất sưởi ấm (danh định)	BTU/h	-	-	-	105800		
	kW	-	-	-	31		
Công suất tiêu thụ (làm lạnh / sưởi ấm)	kW	164	22	4.5	10.07 / 10.13		
Dòng điện	A	73	95	8	17		
EER (làm lạnh)	W/W	2.95	2.91	2.67	2.78		
COP (sưởi ấm)	W/W	-	-	-	3.06		
Dàn lạnh	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /h	950	1200	1900	3800	
	Độ ồn dàn lạnh (Cao/Trung bình/Thấp)	dBA	44	53	57	56	
	Kích thước thân máy (R x S x C)	mm	506 x 36 x 1780	506 x 30 x 1780	580 x 400 x 1925	1200 x 360 x 1850	
	Kích thước ống gió (R x S x C)	mm	615 x 445 x 1870	615 x 445 x 1870	615 x 560 x 2070	1270 x 430 x 2200	
	Nhỏ lượng máy	kg	39	39	54	81	
	Nhỏ lượng ống gió	kg	50	50	66	131	
	Độ ồn dàn nóng	dBA	54	56	61	58	
	Kích thước thân máy (R x S x C)	mm	800 x 36 x 545	825 x 30 x 655	940 x 340 x 120	120 x 400 x 150	
	Kích thước ống gió (R x S x C)	mm	920 x 400 x 620	945 x 435 x 725	1070 x 450 x 1435	1270 x 450 x 1710	
	Nhỏ lượng máy	kg	40	46	89	176	
Nhỏ lượng ống gió	kg	54	51	121	151		
Máy nén		ROTARY	ROTARY	TWIN/ROTARY	TWIN/ROTARY		
Dàn nóng	Mô chất làm lạnh	Loại Gas / Nhỏ lượng nạp	kg	R410A / 0.97	R410A / 1.35	R410A / 2.6	R410A / 2.7 x 2
	Áp suất thiết kế	MPa	4.15 / 11.5	4.15 / 11.5	4.15 / 11.5	4.15 / 11.5	
	Đường kính ống lỏng/ống hơi	mm	6.35 / 12.7	6.35 / 15.88	9.52 / 19.05	9.52 x 2 / 19.05 x 2	
	Chiều dài ống đồng tối đa	m	20	20	30	50	
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20	
	Điểm hoạt động	°C	17~49	17~49	17~49	4~49 / 45~24	
Dây cáp nguồn	Vị trí cấp nguồn	IBU	IBU	IBU	CBU		
	Thông số dây*	mm ²	2x2.5mm ²	2x2.5mm ²	5x2.5mm ²	5x2.5mm ²	
	Dây kết nối gas 2 đầu*	mm ²	2x2.5mm ² + 1x0.5mm ²	2x2.5mm ² + 1x0.5mm ²	3x2.5mm ² + 1x0.5mm ²	3x2.5mm ² + 1x0.5mm ²	
		mm ²					

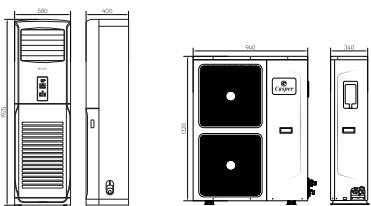
*Thông số này dựa trên thí nghiệm theo tiêu chuẩn nhà máy

BẢN VẼ KỸ THUẬT

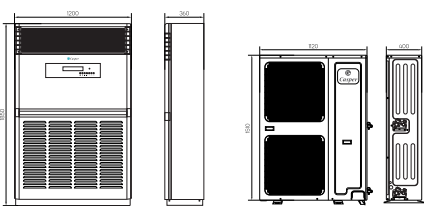
18000 ~ 24000 – Dàn nóng & Dàn lạnh



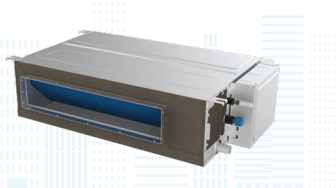
48000 – Dàn nóng & Dàn lạnh



100000 – Dàn nóng & Dàn lạnh



GIẤU TRẦN NỔI GIÓ
INVERTER - MỘT CHIỀU

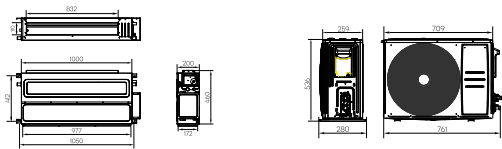


MODEL	DC-18E35	DC-24E35	DC-36E35	DC-48E35
Nguồn điện	V/Hz/Ph	220-240V/ 50Hz/1Ph	220-240V/ 50Hz/1Ph	220-240V/ 50Hz/3Ph
Công suất làm lạnh định mức	BTU/h	18000/5400 - 19100	24000/16000 - 20700	36000/10000 - 37900
	kW	528/106 - 559	719/26 - 729	1055/246 - 1011
Công suất tiêu thụ (tối thiểu - tối đa)	kW	160/103 - 190	231/65 - 244	350/159 - 363
Dòng điện	A	10	14	18
EER	W/W	3.3	3.06	3.03
	W/W	3.3	3.06	3.03
	m³/h	900 / 720 / 660 / 520	1550 / 1050 / 850 / 560	1650 / 1500 / 1170 / 100
	dBA	35 / 32 / 28 / 25	40 / 37 / 35 / 33	46 / 42 / 36 / 34
	Pa	0-40	0-40	0-40
	Pa	25	25	37
	mm	1000 x 160 x 200	1000 x 700 x 245	1000 x 700 x 245
	mm	1300 x 580 x 275	1230 x 830 x 300	1230 x 830 x 300
	kg	23	28	30
	kg	27	33	36
	mm	832 x 10	881 x 175	881 x 175
	mm	977 x 17	876 x 204	876 x 204
	mm	3 x 1/4 x 1/2	3 x 1/4 x 1/2	3 x 1/4 x 1/2
	mm	25	25	25
	mm	60	100	120
	dBA	62	66	67
	mm	709 x 350 x 280	825 x 390 x 655	900 x 920 x 700
	mm	825 x 345 x 695	945 x 435 x 725	1020 x 430 x 760
	kg	23	26	45
	kg	25	39	48
	ROTARY	ROTARY	ROTARY	ROTARY
	Loại Gas / Khối lượng nạp	kg	R32 / 0.76	R32 / 0.76
	MPa	4/4 / 14	4/4 / 14	4/4 / 14
	mm	6.35 / 127	9.52 / 15.88	9.52 / 15.88
	m	20	30	30
	m	5	5	5
	g/m	30	50	50
	m	15	20	20
	EDU	ODU	ODU	ODU
	mm²	3 x 2.5mm²	3 x 2.5mm²	5 x 2.5mm²
	mm²	3x2.5mm² + 1x0.5mm²	3x2.5mm² + 1x0.5mm²	3x2.5mm² + 1x0.5mm²
	°C	18~48	18~48	18~48

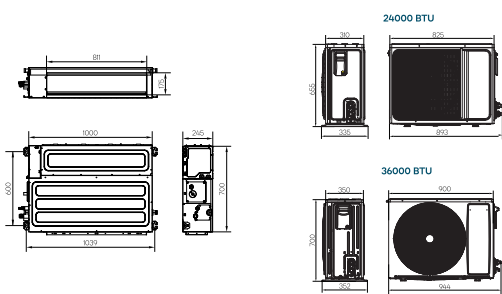
*Thông số này dựa trên thí nghiệm theo tiêu chuẩn nhà máy

BẢN VẼ KỸ THUẬT

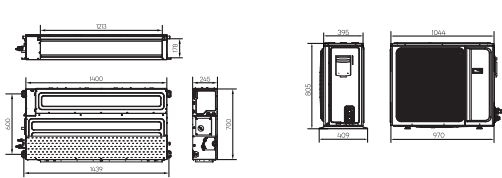
18000 BTU - Dàn nóng & Dàn lạnh



24000~36000 BTU - Dàn nóng & Dàn lạnh



48000 BTU - Dàn nóng & Dàn lạnh



ÂM TRẦN CASSETTE ĐA HƯỚNG THỜI INVERTER - MỘT CHIỀU

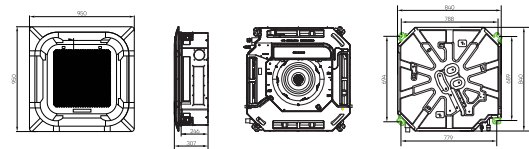


MODEL	CC-18R35	CC-24R35	CC-36R35	CC-48R35
Nguồn điện	Volt/Ph	220-240V/50Hz, 3Ph	220-240V/50Hz, 3Ph	220-240V/50Hz, 3Ph
Công suất làm lạnh danh định (tối thiểu – tối đa)	BTU/h	18000/19400 – 19900	24000/26000 – 26700	36000/39000 – 37000
	kW	528/559 – 559	703/726 – 726	1055/1110 – 1110
Công suất tiêu thụ (tối thiểu/ tối đa)	kW	160/043 – 190	23/135 – 234	350/059 – 363
		550/170 – 543		
Dạng điện	A	10	16	16
EER	W/W	33	306	301
		256		
Mặt nạ				
Kích thước mặt nạ (R x S x C)	mm	950 x 950 x 55	950 x 950 x 55	950 x 950 x 55
Kích thước mặt nạ đóng gói (R x S x C)	mm	1000 x 1000 x 100	1000 x 1000 x 100	1000 x 1000 x 100
Khối lượng mặt nạ	kg	53	53	53
Khối lượng mặt nạ đóng gói	kg	78	78	78
Dàn lạnh				
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m³/h	1000/950/800	1500/1000/1050	1800/1450/1250
Độ ồn dàn lạnh (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)	42/39/36	46/42/39	53/47/43
Kích thước dàn máy (R x S x C)	mm	840 x 840 x 246	840 x 840 x 246	840 x 840 x 288
Kích thước dàn gói (R x S x C)	mm	910 x 910 x 310	910 x 910 x 310	910 x 910 x 350
Khối lượng máy	kg	25	25	30
Khối lượng đóng gói	kg	29	29	35
Kích thước đường ống nước ngưng	mm	26	26	26
Kích thước lỗ che ống cấp gas tua	mm	100	100	100
Độ ồn dàn nóng	dB(A)	52	55	57
Kích thước thân máy (R x S x C)	mm	705 x 280 x 536	825 x 310 x 655	900 x 350 x 700
Kích thước đóng gói (R x S x C)	mm	825 x 345 x 695	945 x 435 x 725	1020 x 430 x 760
Khối lượng máy	kg	23	36	45
Khối lượng đóng gói	kg	25	39	49
Máy nén	ROTARY	ROTARY	ROTARY	ROTARY
Mô hình làm lạnh	Loại Gas / khối lượng nạp	kg	R32 / 076	R32 / 076
	Áp suất thiết kế	MPa	4/4 / 1/4	4/4 / 1/4
Dàn nóng				
Đường kính ống lỏng/ống hơi	mm	635 / 127	635 / 127	952 / 1588
Đường kính ống đồng nối dâ	in	30	30	50
Đường kính ống đồng không cần nạp gas	in	5	5	5
Lượng gas nạp bổ sung	g/in	30	50	50
Chênh lệch độ cao tối đa	m	20	20	30
Dây cấp nguồn	Vết tiếp nguồn	IDU	ODU	ODU
Thước dây dây"	mm²	3 x 25mm²	3 x 25mm²	3 x 25mm²
Dây kết nối gas 2 dây"	mm²	3x25mm² + 1x4.0 mm²	3x25mm² + 1x4.0 mm²	3x25mm² + 1x4.0 mm²
Dải nhiệt độ hoạt động	°C	18-48	18-48	18-50

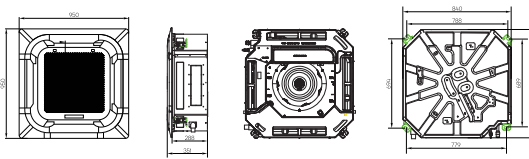
*Thông số này dựa trên thử nghiệm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
Đôi khi nhà sản phẩm CC-24R35 và CC-48R35 không sử dụng đường ống kết nối chỉ dùng cho các sản phẩm có tem sản xuất từ 9/2024 trở về sau.
Các sản phẩm có tem sản xuất từ 9/2024 trở về trước dùng ống kết nối kích thước 1/2".

BẢN VẼ KỸ THUẬT

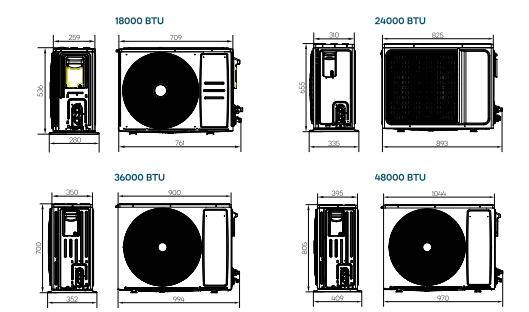
18000~36000 BTU - Dàn lạnh



48000 BTU - Dàn lạnh



18000~48000 BTU - Dàn nóng



ÂM TRẦN CASSETTE ĐA HƯỚNG THỜI NÂM INVERTER - MỘT CHIỀU

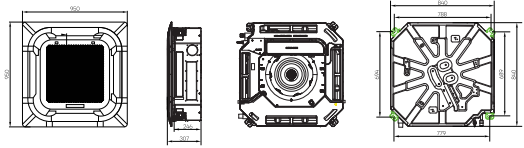


MODEL	CC-4BFS35	CC-24FS35	CC-36FS35	CC-48FS35
Nguồn điện	VN/1/Ph	220~240V/50Hz/Ph	220~240V/50Hz/Ph	380~415V/50Hz/3Ph
Công suất làm lạnh (đánh định)	BTU/h	18000	24000	36000
	kW	5.28	7.03	10.35
Công suất tiêu thụ	kW	176	231	36
Điện áp định	A	16	16	89
EER	W/W	3.0	3.0	2.93
		3.0	3.0	3.0
Mặt nạ	Kích thước mặt nạ (R x S x C)	mm	950 x 950 x 55	950 x 950 x 55
	Kích thước mặt nạ đóng gói (R x S x C)	mm	1000 x 1000 x 100	1000 x 1000 x 100
	Khối lượng mặt nạ	kg	5.3	5.3
	Khối lượng mặt nạ đóng gói	kg	7.8	7.8
Dàn lạnh	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m³/h	1250 / 1050 / 800	1600 / 1400 / 1250
	Độ ồn dàn lạnh (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)	43 / 40 / 36	46 / 42 / 39
	Kích thước thân máy (R x S x C)	mm	840 x 840 x 246	840 x 840 x 246
	Kích thước đóng gói (R x S x C)	mm	940 x 940 x 300	940 x 940 x 300
Dàn nóng	Khối lượng máy	kg	22	26
	Khối lượng đóng gói	kg	26	29
	Kích thước đường ống nước ngưng	mm	26	26
	Kích thước lỗ chờ ống cấp gas tại	mm	100	100
Dàn nóng	Độ ồn dàn nóng	dB(A)	53	54
	Kích thước thân máy (R x S x C)	mm	800 x 350 x 545	825 x 350 x 655
	Kích thước đóng gói (R x S x C)	mm	920 x 400 x 620	945 x 435 x 725
	Khối lượng máy	kg	36	44
Dàn nóng	Khối lượng đóng gói	kg	39	47.5
	Máy nén	ROTARY	ROTARY	TWIN ROTARY
	Mô-đun làm lạnh	Loại Gas / Khối lượng nạp	kg	R22 / 0.8
	Áp suất thiết kế	MPa	4.0 / 1.0	4.0 / 1.0
Ống đồng	Đường kính ống lỏng/ống hơi	mm	6.35 / 12.7	6.35 / 12.7
	Chiều dài ống đồng tối đa	m	30	30
	Chiều dài ống đồng không cần nạp gas	m	5	5
	Luồng gas nạp bổ sung	g/m	30	30
Dây cáp nguồn	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	20
	Điện áp cấp nguồn	V	220V	220V
	Thang số dây	mm²	3 x 2.5mm²	3 x 2.5mm²
	Dây kết nối gas 2 dàn*	mm²	3 x 2.5mm²	3 x 2.5mm²
Dàn nóng	Dàn nóng hoạt động	°C	17~49	17~49
	Dàn nóng hoạt động	°C	17~49	17~49

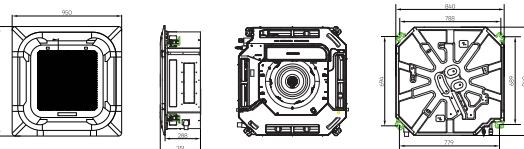
*Thông số này dựa trên thử nghiệm theo tiêu chuẩn nhà máy.
Đã và sẽ sản phẩm CC-24FS35 và CC-48FS35 không sử dụng ống đồng trên cả các sản phẩm có tem sản xuất từ 9/2024 trở về sau.
Các sản phẩm có tem sản xuất từ 9/2024 trở về trước dùng ống đồng có kích thước 10/6.

BẢN VẼ KỸ THUẬT

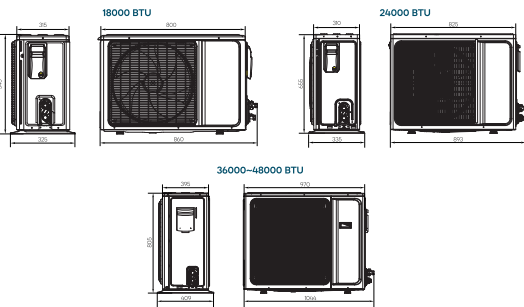
18000~36000 BTU - Dàn lạnh



48000 BTU - Dàn lạnh



18000~48000 BTU - Dàn nóng



ÂM TRẦN CASSETTE ĐA HƯỚNG THỔI
NON INVERTER - HAI CHIỀU

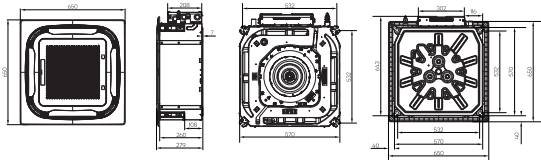


MODEL	CH-18TL22	CH-24TL22	CH-36TL22	CH-48TL22
Nguồn điện	V/Hz/Ph 220-240V/50Hz, Ph	220-240V/50Hz, Ph	380-480V/50Hz, 3Ph	380-480V/50Hz, 3Ph
Công suất làm lạnh (danh định)	BTU/h 18000	24000	36000	48000
	kW 5,28	7,03	10,55	14,07
Công suất sưởi ấm (danh định)	BTU/h 19000	24500	40000	52000
	kW 5,57	7,18	11,72	15,24
Công suất tiêu thụ làm lạnh / sưởi ấm	kW 1,7 / 1,55	2,15 / 1,82	3,5 / 3,34	4,68 / 4,6
Dòng điện	A 13,3	14,8	19,3	135
EER làm lạnh	W/W 3,1	3,27	3,01	3,01
COP sưởi ấm	W/W 3,61	3,96	3,5	3,3
Mặt nạ	Hình thức mặt nạ R x S x C	mm 650 x 650 x 55	950 x 950 x 55	950 x 950 x 55
	Hình thức mặt nạ đóng gói R x S x C	mm 700 x 700 x 80	1000 x 1000 x 100	1000 x 1000 x 100
	Khối lượng mặt nạ	kg 2,2	5,3	5,3
	Khối lượng mặt nạ đóng gói	kg 3,7	7,8	7,8
	Luồng lượng gió (cao / trung bình / thấp)	m³/h 740 / 460 / 180	1450 / 1000 / 650	1800 / 1260 / 750
	Độ ồn đơn vị (cao / trung bình / thấp)	dBA 41 / 42 / 39	49 / 45 / 39	52 / 49 / 47
Dán lạnh	Hình thức thân máy R x S x C	mm 570 x 570 x 260	840 x 840 x 246	840 x 840 x 288
	Hình thức đóng gói R x S x C	mm 720 x 650 x 290	980 x 980 x 300	980 x 980 x 350
	Khối lượng máy	kg 16	27	28
	Khối lượng đóng gói	kg 18,5	30	32
	Hình thức đường ống nước ngưng	mm 26	26	26
	Độ ồn đơn vị (cao)	dBA 55	57	58
	Hình thức thân máy R x S x C	mm 800 x 375 x 545	825 x 380 x 655	970 x 395 x 605
	Hình thức đóng gói R x S x C	mm 920 x 600 x 620	945 x 635 x 725	1035 x 695 x 690
	Khối lượng máy	kg 36	48	67
	Khối lượng đóng gói	kg 39	51	68
	Máy nén	ROTARY	ROTARY	TWIN ROTARY
	Mô đun	RotDA / 1	RotDA / 1,7	RotDA / 2,25
	Mô đun	RotDA / 1,7	RotDA / 2,25	RotDA / 2,9
Dán nóng	Đường lạnh ống lỏng / ống hơi	mm 6,35 / 12,7	9,52 / 15,88	9,52 / 15,88
	Chiều dài ống đồng khô	mm 20	20	30
	Chiều dài ống đồng không cần nạp gas	mm 5	5	5
	Luồng gas nạp bổ sung	g/m 30	50	50
	Chênh lệch độ cao tối đa	mm 15	15	30
	Điện áp nguồn	V	120	200
	Thông số dây	mm² 3 x 2,5mm²	3 x 2,5mm²	5 x 2,5mm²
	Điện áp kết nối gas 2 dây	mm² 3 x 2,5mm²	3 x 2,5mm²	3 x 2,5mm² + 1 x 1mm²
	Dải nhiệt độ hoạt động (cooling / heating)	°C 4~49/45~24	4~49/45~24	4~49/45~24

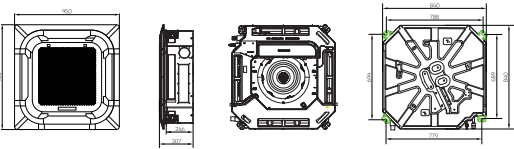
*Thông số này dựa trên thí nghiệm theo tiêu chuẩn châu Âu

BẢN VẼ KỸ THUẬT

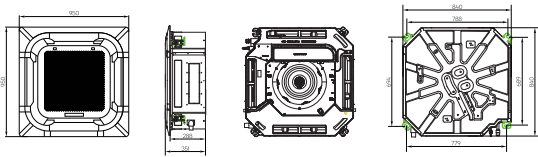
18000 BTU - Dán lạnh



24000~36000 BTU - Dán lạnh

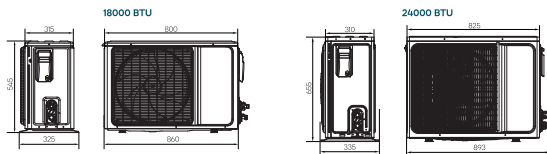


48000 BTU - Dán lạnh



BẢN VẼ KỸ THUẬT

18000~24000 BTU - Dán nóng



36000~48000 BTU - Dán nóng

